

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST

Ngày 06/9/2022

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Quang và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện K2 sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - K2 sát viên.

Từ ngày 05 đến ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C2, sinh năm 1954;

Người đại diện theo ủy quyền của bà C2: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974 (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2022);

Đều ở địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Chị Nguyễn Thị H1 (tên gọi tại Canada: Claudia Rousseau), sinh năm 1990; Địa chỉ: Quebec, Canada (Là con bà G).

Chị H1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1955 (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2022).

3.2. Bà Phạm Thị C2, sinh năm 1954;

3.3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974;

3.4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977;

3.5. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981;

3.6. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1988;

3.7. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971;

3.8. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1994;

3.9. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 2000;
Đều ở địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Chị H2, chị T3, anh T4, chị N, anh D, anh T2 đều ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974 (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2022).
(Có mặt bà C1, anh T1, chị H2; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C1 trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn K1, sinh năm 1920, chết ngày 11/10/1993 và cụ Đặng Thị K2, sinh năm 1930, chết ngày 27/5/2003. Hai cụ có 04 người con gồm: 1. ông Nguyễn Văn T6, đi bộ đội và đã hi sinh năm 1975, ông T6 không có vợ, con; 2. ông Nguyễn Văn U, chết ngày 09/3/2019. Ông U có vợ là bà Phạm Thị C2 và có 05 người con gồm: anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn T2 và anh Nguyễn Văn T5 (chết năm 2020; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh T5 là chị Nguyễn Thị H2 (là vợ), chị Nguyễn Thị T3 (là con), anh Nguyễn Văn T4 (là con); 3. Bà Nguyễn Thị C1; 4. Bà Nguyễn Thị G, chết ngày 09/3/1991; chồng bà G đã chết trước năm 1991, bà G có con là chị Nguyễn Thị H1. Hai cụ không có con nuôi, con riêng.

Thực hiện nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng, hộ gia đình gồm cụ K1, cụ K2 và chị H1 được giao 1544m² đất nông nghiệp (mỗi khẩu được 514,7m²). Cụ thể diện tích đất nông nghiệp này được phân bổ ở các vị trí như sau: Diện tích 5% liền kề đất ở 273m² thửa đất số 1177, tờ bản đồ số 06; Lô 1 Cổng Đông + Hương Khôi: 819m² thửa số 87 + 88 + 134 tờ bản đồ số 07; Lô 17 Ròng Trên: 272m² thửa số 2682, tờ bản đồ số 03; Lô 6 Mạ: 180m² thửa số 1175, tờ bản đồ số 03. Tất cả diện tích đất này đều ở Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khi còn sống, cụ K1, cụ K2 là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Sau khi các cụ chết, diện tích đất nông nghiệp này do vợ chồng ông Nguyễn Văn U quản lý, sử dụng. Ngoài ra, hai cụ còn có di sản là quyền sử dụng đất ở đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết phân chia thừa kế tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2008/QĐST-DS ngày 04/9/2008. Cụ K1, cụ K2 không để lại di chúc, không định đoạt cho bất kỳ ai.

Năm 2021, UBND huyện Gia Lộc ban hành quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Gia Lộc, huyện Gia Lộc. Quyết định này có thu hồi thửa đất số 2682 thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 272m². Bà Phạm Thị C2 được nhận 81.000.000 đồng theo quyết định 385/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của UBND huyện Gia Lộc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Do không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế là diện tích đất nông nghiệp và số tiền bồi thường nên bà C1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ K1, cụ K2 theo quy định của pháp luật. Di sản của cụ K1, cụ K2 gồm 2/3 diện tích đất nông nghiệp tại các thửa

ruộng nêu trên. Trong đó, Lô 17 Ròng Trên: 272m² thửa số 2682, tờ bản đồ số 03 đã bị Nhà nước thu hồi và đền bù số tiền 81.000.000 đồng, do bà C2 quản lý. Đối với diện tích đất hương khói thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Văn T6 là 72m², bà đề nghị Tiếp tục giao cho gia đình bà C2 sử dụng. Diện tích 927m² đất nông nghiệp tại lô 1 Cổng Đông và lô 6 mạ, sau khi trừ đi phần ruộng của chị H1 là 309m² thì di sản của hai cụ còn lại là 618m² đất nông nghiệp và số tiền 81.000.000 đồng tiền đền bù đất. Đối với đất nông nghiệp, bà C1 đề nghị chia đều cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất. Đối với số tiền đền bù do thu hồi đất nông nghiệp bà đề nghị chia đều, bà đã nhận 7.000.000 đồng.

Đối với phần ruộng 03, phần tiền bồi thường và kỷ phần thừa kế của chị Nguyễn Thị H1 bà nhất trí nhận ủy quyền của chị H1 ủy quyền cho bà quản lý và có trách nhiệm giao lại cho chị H1.

- Bị đơn bà Phạm Thị C2 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn T2 do anh T1 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Nhất trí về hàng thừa kế, di sản thừa kế và phần ruộng của chị Nguyễn Thị H1 như nguyên đơn trình bày ở trên. Tuy nhiên, đối với số tiền đền bù là 81.000.000 đồng do bà C2 nhận, sau khi họp bàn và thống nhất trong gia đình, bà C2 đã sử dụng 25.000.000 đồng để xây mộ cho các cụ và bà G; cho bà C1 và con bà C1 7.000.000 đồng, biếu bà cô em cụ K1 1.000.000 đồng, phần ông U 5.000.000 đồng, các cháu mỗi cháu 500.000 đồng, tổng là 16.500.000 đồng. Số tiền còn lại là 39.500.000 đồng là để nâng cấp mộ cho cụ K1, cụ K2, con cháu sau này không phải đóng góp. Vì T1, bà C2 và các con không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C1 chia thừa kế số tiền đền bù.

Đối với diện tích đất nông nghiệp của cụ K1, cụ K2 còn lại sau khi trừ diện tích đất bị T3 hồi, bà C2 nhất trí chia thừa kế cho bà C1. Đối với phần đất nông nghiệp và phần tiền đền bù của chị H1 được hưởng thì đề nghị Tiếp tục giao bà C2 quản lý, sử dụng, khi nào chị H1 có yêu cầu bà sẽ trả lại cho chị H1. Ngoài ra, trong số đất nông nghiệp của cụ K1, cụ K2 có 72m² đất hương khói cho liệt sỹ là ông Nguyễn Văn T6 hiện giao cho anh Nguyễn Văn T2 quản lý. Nay Bà C2 và các con bà C2 thống nhất đề nghị giao phần thừa kế của ông U, phần giá trị công sức và đất hương khói liệt sỹ và phần đất của chị H1 cho bà C2 đại diện quản lý.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 (tên gọi tại Canada: Claudia Rousseau) trình bày: Mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị G còn bố đẻ là ai thì chị không biết. Bố mẹ nuôi của chị là ông bà Jean Piche/Johanne Rousseau (người Canada). Sau khi mẹ chị chết, chị được ông bà ông bà Jean Piche/Johanne Rousseau nhận làm con nuôi và chuyển sang sinh sống tại Canada từ năm 1995. Cụ Nguyễn Văn K1, cụ Đặng Thị K2 là ông bà ngoại của chị, bà Nguyễn Thị C1 là bác ruột. Về quan điểm giải quyết vụ án, chị đề nghị kỷ phần thừa kế của bà G chị được hưởng và phần ruộng của chị được chia, giao cho bác ruột là bà Nguyễn Thị C1 quản lý, sử dụng.

- Xác minh tại UBND xã Hồng Hưng về tổng diện tích, vị trí các thửa ruộng

như các đương sự xác định là đúng. Đối với số tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi thửa 2682, tờ bản đồ số 03, diện tích 272m², trong giá trị tiền bồi thường có nhiều khoản gồm: giá trị đất ruộng bị thu hồi, hỗ trợ việc làm cho chủ sử dụng, hoa màu, hỗ trợ đời sống. Phần quyền của cụ K1, cụ K2 chỉ tính tiền thu hồi ruộng, các khoản khác là hỗ trợ cho người đang quản lý sử dụng ruộng là gia đình bà C2, ông U. Phần hỗ trợ hoa màu, chuyển đổi nghề và hỗ trợ đời sống chỉ cho người đang quản lý sử dụng ruộng còn sống và có mặt tại địa phương nên chị H1 không được hỗ trợ các khoản này.

Giá trị phần đất ruộng hộ cụ K1, cụ K2 bị thu hồi là 272m² x 75.000 đồng/m² = 20.400.000 đồng. Diện tích đất hương khói cho liệt sỹ 72m² do bà C2 và các con đang quản lý sử dụng, con bà C2 là anh Nguyễn Văn T2 được hưởng chế độ hương khói của liệt sỹ Nguyễn Văn T6.

- Kết quả thẩm định, định giá tài sản: Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ K1, cụ K2 còn lại gồm: thửa 241/2 diện tích 819m² ở xứ Cống Đông (trong đó có 72m² đất hương khói cho liệt sỹ Nguyễn Văn T6), thửa số 260/11 diện tích 180m² xứ Đồng Mạ. Giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp là 75.000 đồng/m².

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ K1, cụ K2 là diện tích ruộng và số tiền đền bù do Thu hồi ruộng của hai cụ do gia đình ông U' bà C2 đang quản lý là 81.000.000 đồng. Bà đề nghị giao phần ruộng 03 và phần thừa kế của chị Nguyễn Thị H1 cho bà quản lý.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do anh T1 đại diện trình bày: nhất trí chia thừa kế diện tích đất ruộng của cụ K1, cụ K2. Về tiền Thu hồi đất: Đề nghị tính giá thu hồi ruộng là 75.000 đồng/m², còn lại là các khoản hỗ trợ cho người trực tiếp sử dụng đất là gia đình anh. Số tiền này đã dùng để tu sửa mộ cho các cụ và bà G, đã đưa bà C1 và các con bà C1 7.000.000 đồng, nên không đồng ý chia thừa kế số tiền này. Về phần ruộng của chị H1 và phần thừa kế của chị H1 được hưởng, đề nghị giao cho bà C2 tiếp tục quản lý sử dụng. Khi nào chị H1 về gia đình bà sẽ có trách nhiệm trả cháu H1, không đồng ý nội dung ủy quyền của chị H1 giao phần ruộng và phần thừa kế cho bà C1 quản lý. Bà C2 và các con đều đề nghị giao phần thừa kế của ông U', phần giá trị công sức và đất hương khói liệt sỹ và phần ruộng của chị H1 cho bà C2 đại diện quản lý.

Đại diện Viện K2 sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 61, 612, 614, 615, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xác định di sản của cụ K1, cụ K2 là 618m² đất nông nghiệp và số tiền bồi thường 13.600.000 đồng; Xác nhận quyền sử dụng của chị Nguyễn Thị H1 đối với 309m² đất nông nghiệp và số tiền bồi thường là 6.800.000 đồng. Trích trả công sức duy trì di sản cho gia đình bà C2 trích 60m² đất nông nghiệp; Xác định hàng thừa kế gồm ông U, bà C1, bà G; mỗi suất thừa kế tương U 186m² đất nông nghiệp và 1/3 số tiền bồi thường = 4.533.000 đồng; Chị H1 đã ủy quyền cho bà C1 nhận thay kỉ phần được nhận và phần đất ruộng, số tiền bồi thường của chị nên giao cho bà C1 sử dụng $309 + 2 \times 186 = 681\text{m}^2$ đất nông nghiệp và số tiền $6.800.000 \text{ đồng} + 2 \times 4.533.000 \text{ đồng} = 15.866.000 \text{ đồng}$. Giao cho bà Phạm Thị C2 (là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn U) sử dụng 246m² đất nông nghiệp và số tiền 4.533.000 đồng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án - chị Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác Claudia Rousseau) có quốc tịch Canada, hiện tại đang sinh sống tại Canada nên vụ án Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại Điều 26; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H1 đã gửi email trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện và giấy tờ nhân thân là hộ chiếu qua hộp thư điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tòa án đã T2 hành làm việc trực tuyến với chị H1 có người phiên dịch và người chứng kiến tham gia. Chị H1 đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C1 tham gia tố tụng và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn là bà C2 và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà C2, chị T3, chị N, anh D, anh T2 vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho anh T1, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế, diện thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn K1, chết ngày 11/10/1993 và cụ Đặng Thị K2, chết ngày 27/5/2003. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ K1, cụ K2 gồm:

1. Ông Nguyễn Văn T6, đi bộ đội và đã hi sinh năm 1975, ông T6 không có vợ, con; 2. Ông Nguyễn Văn U, chết ngày 09/3/2019. Ông U có vợ là bà Phạm Thị C2 và có 05 người con thừa kế quyền nghĩa vụ gồm: anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn T2 Anh Nguyễn Văn T5 (chết năm 2020; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh T5 là chị Nguyễn Thị H2 (là vợ), chị Nguyễn Thị T3 (là con), anh Nguyễn Văn T4 (là con); 3. Bà Nguyễn Thị C1; 4. Bà Nguyễn Thị G chết ngày 09/3/1991; chồng bà G đã chết trước năm 1991. Bà G chết trước cụ K1, cụ K2 nên người thừa kế T1 vị của bà G là chị Nguyễn Thị H1.

[2.2] Về di sản thừa kế:

Các đương sự trong vụ án đều xác định di sản thừa kế của cụ K1, cụ K2, phù hợp với kết quả xác minh như sau:

- Về quyền sử dụng đất nông nghiệp: Hộ gia đình gồm cụ K1, cụ K2 và chị H1 được giao 1544m² đất nông nghiệp (mỗi khẩu được 514,7m²). Cụ thể diện tích đất nông nghiệp này được phân bổ ở các vị trí như sau: Diện tích 5% liền kề đất ở 273m² thửa đất số 1177, tờ bản đồ số 06; Lô 1 Cổng Đông + Hương Khói: 819m² thửa số 87+ 88 + 134 tờ bản đồ số 07; Lô 17 Ròng Trên: 272m² thửa số 2682, tờ bản đồ số 03; Lô 6 Mạ: 180m² thửa số 1175, tờ bản đồ số 03, đều ở Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Trong đó, diện tích 5% liền kề đất ở 273m² thửa đất số 1177, tờ bản đồ số 06 đã được giải quyết trong vụ án khác, 72m² đất hương khói liệt sỹ trong thửa số 87 + 134 các đương sự thống nhất giao cho anh T2 và gia đình bà C2 Tiếp tục quản lý. Diện tích ruộng 272m² tại thửa số 2682, tờ bản đồ số 03 đã bị Thu hồi nên diện tích đất ruộng thực tế còn 927m². Phần đất nông nghiệp của chị H1 được giao là 309m², phần di sản của cụ K1, cụ K2 = 618m².

- Đối với số tiền bồi thường do Nhà nước thu hồi 272m² tại thửa số 2682, tờ bản đồ số 03, theo kết quả xác minh tại UBND xã Hồng Hưng, giá trị phần đất nông nghiệp này là 272m² x 75.000 đồng/m² = 20.400.000 đồng. Phần hỗ trợ hoa màu, chuyển đổi nghề và hỗ trợ đời sống chỉ cho người đang quản lý sử dụng ruộng còn sống và có mặt tại địa phương nên chị H1 không được hỗ trợ các khoản này. Gia đình bà C2 là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng nên được hưởng số tiền này. Như vậy, phần của cụ K1, cụ K2 là $\frac{2}{3} \times 20.400.000$ đồng = 13.600.000 đồng. Phần của chị H1 là 6.800.000 đồng.

- Di sản của cụ K1, cụ K2 là 618m² đất nông nghiệp và số tiền bồi thường 13.600.000 đồng. Phần đất ruộng của chị H1 là 309m² đất nông nghiệp và số tiền bồi thường là 6.800.000 đồng.

[2.3] Về công sức: Sau khi cụ K1, cụ K2 chết, ông U, bà C2 là người trực tiếp quản lý diện tích ruộng của hai cụ nên cần trích công sức quản lý duy trì di sản cho ông U, bà C2 là 168m² đất nông nghiệp.

Sau khi trừ công sức, di sản của cụ K1, cụ K2 còn lại 450m² đất nông nghiệp x 75.000 đồng/m² = 33.750.000 đồng.

[2.4] Về yêu cầu chia thừa kế:

Cụ K1, cụ K2 chết không để lại di chúc nên di sản của cụ K1, cụ K2 được chia đều cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất gồm ông U (do vợ và con ông U hưởng thay), bà G (người thừa kế T1 vị của bà G là chị H1) và bà C1. Mỗi suất thừa kế tương U 150m² đất nông nghiệp trị giá 150m² x 75.000 đồng/m² = 11.250.000 đồng và $\frac{1}{3}$ số tiền bồi thường = 4.533.000 đồng (đã làm tròn).

Chị H1 được nhận suất ruộng được chia 309m², hưởng kỹ phần thừa kế của bà G là 150m², tổng là 459m² đất nông nghiệp và số tiền bồi thường do Thu hồi đất là 6.800.000 đồng, kỹ phần của bà G là 4.533.000 đồng, tổng là 11.333.000 đồng. Chị H1 có ý kiến ủy quyền cho bà C1 nhận thay kỹ phần được nhận và phần đất ruộng, số tiền bồi thường của chị, bà C1 đồng ý nên giao cho bà C1 nhận và quản lý thay cho chị H1.

[2.5] Về phần chia và giao hiện vật:

Hiện trạng diện tích đất nông nghiệp là di sản của cụ K1, cụ K2 do gia đình ông U, bà C2 quản lý sử dụng, các đương sự đều có nguyện vọng được hưởng thừa kế bằng hiện vật, xét thấy diện tích đất nông nghiệp có thể chia cho các đương sự bằng hiện vật nên việc giao đất cụ thể như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị C1 được quản lý, sử dụng thay chị H1 459m² đất nông nghiệp, kỹ phần của bà C1 150m² đất nông nghiệp, tổng bằng 609m² đất nông nghiệp gồm 180m² đất tại lô 6 Mạ, thửa số 1175, tờ bản đồ số 03 và 429m² đất nông nghiệp tại lô 1 Cổng Đông, thửa số 87 + 88+ 134 tờ bản đồ số 07; số tiền 6.800.000 đồng + 2 x 4.533.000 đồng = 15.866.000 đồng.

Do bà C1 đã nhận từ bà C2 số tiền 7.000.000 đồng nên bà C2 còn phải trả cho bà C1 số tiền 8.866.000 đồng.

Giao cho bà Phạm Thị C2 (là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn U) được quyền sử dụng diện tích 150m² đất nông nghiệp kỹ phần của ông U được hưởng, 168m² công sức và số tiền 4.533.000 đồng. Anh T2, bà C2 và các con bà C2 thống nhất giao cả phần đất hương khói gộp chung, tổng cộng là 390m² đất nông nghiệp. Giao cho bà C2 và các con bà C2 quản lý, sử dụng 390m² đất nông nghiệp tại lô 1 Cổng Đông, thửa số 87 + 88+ 134 tờ bản đồ số 07.

(Diện tích đất giao cho đương sự có sơ đồ kèm theo bản án)

[3]. Về án phí: Bà C1, bà C2 đều là người cao tuổi nên được miễn án phí. Chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 790.000 đồng (Do bà C1 chịu thay).

Về chi phí thẩm định, định giá: Bà C1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá, không yêu cầu giải quyết, nên không phải giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 614, 615, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K1 và cụ Đặng Thị K2.

- Xác định di sản của cụ K1, cụ K2 là 618m² đất nông nghiệp và số tiền bồi thường do Thu hồi đất là 13.600.000 đồng (Hiện bà C2 đang quản lý).

- Chấp nhận yêu cầu tính công sức của bị đơn bà Phạm Thị C2 trong việc quản lý, di trì di sản thừa kế.

- Phần đất Thuộc quyền sử dụng của chị Nguyễn Thị H1 là 309m² đất nông nghiệp và số tiền bồi thường do Thu hồi đất nông nghiệp của chị H1 là 6.800.000 đồng.

- Chấp nhận sự thỏa thuận của bà C2 và các con bà C2 là anh T1, chị N, anh D, anh T2, vợ và con anh T5 là chị H2, chị T3, anh T4 đều thống nhất giao cho bà

C2 đại diện đƯ tên, quản lý kỹ phần thừa kế của ông U, công sức và phần ruộng hương khói liệt sỹ Nguyễn Văn T6.

- Chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị C1 về việc chị H1 ủy quyền cho bà C1 quản lý, sử dụng phần đất nông nghiệp, tiền bồi thường và kỹ phần thừa kế của chị H1.

2. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ K1, cụ K2 gồm: Ông Nguyễn Văn U, chết ngày 09/3/2019; Bà Nguyễn Thị G (chết năm 1991, có con là chị Nguyễn Thị H1); Bà Nguyễn Thị C1.

Ông U có vợ là bà Phạm Thị C2 và có 05 người con gồm: anh Nguyễn Văn T5 (chết năm 2020); người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T5 là chị Nguyễn Thị H2 (là vợ), chị Nguyễn Thị T3 (là con), anh Nguyễn Văn T4 (là con) hưởng thay anh T5; anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn T2, hưởng thay kỹ phần của ông U.

3. Về công sức: Áng trích công sức quản lý, duy trì di sản thừa kế của vợ chồng ông U, bà C2 là 168m² đất nông nghiệp.

4. Về kỹ phần thừa kế: Mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng 150m² đất nông nghiệp, trị giá 11.250.000 đồng và số tiền bồi thường do thu hồi đất là 4.533.000 đồng.

5. Chia giao hiện vật:

5.1. Giao cho bà Nguyễn Thị C1 được quản lý, sử dụng thay chị Nguyễn Thị H1 diện tích 459m² đất nông nghiệp (bao gồm: Phần đất nông nghiệp của chị H1 309m², kỹ phần thừa kế chị H1 được hưởng 150m²); kỹ phần thừa kế của bà C1 được hưởng là 150m² đất nông nghiệp, tổng bằng 609m² đất nông nghiệp gồm: Diện tích 180m² đất tại lô 6 Ma, thửa số 1175, tờ bản đồ số 03 và 429m² đất nông nghiệp tại lô 1 Cổng Đông, thửa số 87 + 88+ 134 tờ bản đồ số 07, ký hiệu là S1 được giới hạn bởi các điểm (A2, A3, A4, A5) và số tiền 6.800.000 đồng tiền Thu hồi ruộng của chị H1; 4.533.000 đồng kỹ phần thừa kế chị H1; 4.533.000 đồng kỹ phần thừa kế của bà C1; Tổng là: 15.866.000 đồng.

Do bà C1 đã nhận từ bà C2 số tiền 7.000.000 đồng nên bà C2 còn phải trả cho bà C1 số tiền 8.866.000 đồng (Tám triệu, tám trăm, sáu mươi sáu nghìn đồng).

5.2. Giao cho bà Phạm Thị C2 và 05 người con gồm anh Nguyễn Văn T5 (chết năm 2020) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T5 là chị Nguyễn Thị H2 (là vợ), chị Nguyễn Thị T3 (là con), anh Nguyễn Văn T4, (là con) hưởng thay anh T5; anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn T2 do bà Phạm Thị C2 đại diện đƯ tên, quản lý là: 150m² đất nông nghiệp và số tiền bồi thường do Thu hồi 4.533.000 đồng là kỹ phần thừa kế của ông U, 168m² đất nông nghiệp là công sức duy trì tài sản của ông U, bà C2, và phần ruộng hương khói liệt sỹ Nguyễn Văn T6 là 72m². Tổng diện tích đất nông nghiệp giao cho bà Phạm Thị C2 đại diện đứng tên, quản lý là 390m² đất nông nghiệp tại lô 1 Cổng Đông, thửa số 87 + 88+ 134 tờ bản đồ số 07, được ký hiệu là S2 được giới hạn bởi các điểm (A1, A2, A5, A6)

(Toàn bộ phần hiện trạng giao đất có sơ đồ kèm theo bản án).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về án phí: Bà C1, bà C2 đều là người cao tuổi nên được miễn án phí. Chi Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 790.000 đồng (Do bà Nguyễn Thị C1 chịu thay).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều: 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Yên